

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1****Môn: Toán - Lớp 5****Bộ sách: Chân trời sáng tạo****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****A. NỘI DUNG ÔN TẬP****1. Số và phép tính**

- Các phép tính phân số
- Phân số thập phân, tỉ số
- Đọc, viết, so sánh, làm tròn số thập phân
- Phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia số thập phân

**2. Đo lường**

- Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân
- Ki-lô-mét vuông. Héc-ta
- Các đơn vị đo diện tích. Đại lượng
- Tỉ lệ bản đồ

**3. Hình học**

- Hình tam giác. Diện tích hình tam giác
- Hình thang, diện tích hình thang
- Đường tròn. Chu vi và diện tích hình tròn

**4. Bài toán có lời văn**

- Bài toán rút về đơn vị
- Bài toán giải bằng bốn bước tính
- Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó
- Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó

**B. BÀI TẬP****I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Số thập phân có mười bảy đơn vị, năm phần trăm, ba phần nghìn được viết là:

- A. 17,53                      B. 17,053                      C. 17,530                      D. 170,53

**Câu 2.** Chữ số 9 trong số thập phân 26,958 có giá trị là:

- A.  $\frac{9}{1000}$                       B.  $\frac{9}{100}$                       C.  $\frac{9}{10}$                       D.  $\frac{9}{10000}$

**Câu 3.** Chữ số 7 trong số thập phân 123,547 có giá trị là:

- A.  $\frac{7}{10}$       B.  $\frac{7}{100}$       C.  $\frac{7}{1000}$       D.  $\frac{7}{10000}$

**Câu 4.** Hỗn số  $2\frac{17}{1000}$  chuyển thành số thập phân là:

- A. 2017      B. 2,17      C. 2,170      D. 2,017

**Câu 5.** Số lớn nhất trong các số 5,798 ; 5,897 ; 5,978 ; 5,879 là:

- A. 5,798      B. 5,897      C. 5,978      D. 5,879

**Câu 6.** Làm tròn số 37,456 đến hàng phần trăm ta được:

- A. 37,45      B. 37,46      C. 37,40      D. 37,50

**Câu 7.** Tìm chữ số y, biết  $5,789 < 5,7y9$

- A.  $y = 6$       B.  $y = 7$       C.  $y = 8$       D.  $y = 9$

**Câu 8.** Phép nhân nhẩm  $28,964 \times 100$  có kết quả là:

- A. 289,64      B. 2896,4      C. 2,8964      D. 0,28964

**Câu 9.** Phép nhân nhẩm  $34,245 : 0,01$  có kết quả là:

- A. 3,4245      B. 342,45      C. 3424,5      D. 0,34245

**Câu 10.** Kết quả của phép tính  $876,543 \times 0,001$  là:

- A. 876 543      B. 87654,3      C. 0,876543      D. 87,6543

**Câu 11.** Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của  $6 \text{ cm}^2 8 \text{ mm}^2 = \dots \text{ cm}^2$

- A. 68      B. 6,8      C. 6,08      D. 6,008

**Câu 12.**  $2,7 \text{ km}^2 = \dots \text{ ha}$ . Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 27      B. 270      C. 2700      D. 27000

**Câu 13.**  $1654 \text{ m}^2 = \dots \text{ ha}$

- A. 1654      B. 16,54      C. 0,1654      D. 1,654

**Câu 14.**  $5,07 \text{ ha} = \dots \text{ m}^2$ . Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 50700      B. 50070      C. 57000      D. 50007

**Câu 15.**  $3 \text{ ha } 45 \text{ m}^2 = \dots \text{ m}^2$

- A.  $345 \text{ m}^2$       B.  $30045 \text{ m}^2$       C.  $3045 \text{ m}^2$       D.  $3450 \text{ m}^2$

**Câu 16.** Phép tính  $78,542 - 42,632$  có kết quả là:

- A. 35,92      B. 35,91      C. 3,591      D. 359,1

**Câu 17.** Giá trị của biểu thức  $13,57 \times 5,5 + 13,57 \times 3,5 + 13,57$  là:

- A. 1,357      B. 13,57      C. 135,7      D. 1357

**Câu 18.** Hương mua 5 cái bút hết 35 000 đồng. Vậy nếu Hương mua 15 cái bút chì thì phải trả số tiền là:

- A. 105 000 đồng                      B. 150 000 đồng  
C. 70 000 đồng                        D. 90 000 đồng

**Câu 19.** Cô Tú chia đều 10,8 kg đường vào các hộp thủy tinh. Biết cứ 3 hộp thủy tinh thì đựng được 3,6 kg đường. Vậy cô Tú cần số hộp thủy tinh để chia hết số đường đó là:

- A. 3 hộp                      B. 6 hộp                      C. 9 hộp                      D. 12 hộp

**Câu 20.** Hiệu của hai số là 25. Tỉ số của hai số đó là  $\frac{2}{3}$ . Hai số đó là:

- A. 50 và 75                              B. 9 và 56  
C. 33 và 40                              D. 37 và 62

**Câu 21.** Trên một tấm bản đồ, khoảng cách giữa hai điểm A và B là 15cm. Khoảng cách này trên thực tế là 300km. Hỏi bản đồ này được vẽ theo tỉ lệ nào?

- A. 1 : 20 000                      B. 1 : 200 000                      C. 1 : 20 000 000                      D. 1 : 2 000 000

**Câu 22.** Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, quãng đường từ Hà Nội đến Hưng Yên dài 6,4 cm. Độ dài thật của quãng đường đó dài là:

- A. 640 m                      B. 64 000m                      C. 640 km                      D. 64 km

**Câu 23.** Hình tam giác có độ dài đáy là 10m và chiều cao là 7m. Vậy diện tích của tam giác là:

- A. 375m<sup>2</sup>                      B. 387m<sup>2</sup>                      C. 378m<sup>2</sup>                      D. 35m<sup>2</sup>

**Câu 24.** Tam giác ABC có diện tích 40 cm<sup>2</sup>. Chiều cao AH có độ dài 0,8 dm. Độ dài đáy BC của tam giác ABC là:

- A. 5 cm                      B. 10 cm                      C. 15 cm                      D. 20 cm

**Câu 25.** Bác Chu cắt một tấm kính dạng hình thang có độ dài hai đáy là 60 cm và 12 cm; chiều cao là 40 cm để làm mặt bàn. Diện tích tấm kính làm mặt bàn đó là:

- A. 3 600 dm<sup>2</sup>                      B. 3 600 cm<sup>2</sup>                      C. 7 200 m<sup>2</sup>                      D. 1 440 cm<sup>2</sup>

**Câu 26.** Một mảnh đất hình thang có độ dài đáy lớn là 45 m, độ dài đáy lớn gấp 5 lần độ dài đáy nhỏ, và chiều cao bằng 0,1 lần đáy lớn. Diện tích của mảnh đất đó là:

- A. 121,5 m<sup>2</sup>                      B. 122 m<sup>2</sup>                      C. 122,5 m<sup>2</sup>                      D. 121 m<sup>2</sup>

**Câu 27.** Chu vi của tấm thảm dạng hình tròn có bán kính 50 dm là:

- A. 157 dm                      B. 314 dm                      C. 78,5 dm                      D. 3,14 m

**Câu 28.** Biết hình tròn lớn có bán kính gấp 4 lần bán kính hình tròn bé. Hỏi chu vi hình tròn lớn gấp mấy lần chu vi hình tròn bé?

- A. 2 lần                      B. 4 lần                      C. 8 lần                      D. 16 lần

**Câu 29.** Vườn hoa trung tâm của một khu dân cư dạng hình tròn có bán kính 6 m. Diện tích của vườn hoa đó là:

- A. 37,68 m<sup>2</sup>      B. 18,84 m<sup>2</sup>      C. 113,04 m<sup>2</sup>      D. 45,28 m<sup>2</sup>

## II. TỰ LUẬN

**Câu 1.** Tính.

- a)  $\frac{3}{5} + \frac{2}{7}$       b)  $\frac{9}{4} - \frac{2}{5}$       c)  $\frac{2}{3} + \frac{2}{5}$       d)  $3\frac{3}{4} - \frac{5}{9}$

**Câu 2.** Đặt tính rồi tính:

- a) 658,3 + 96,28      b) 93,813 - 46,47      c) 37,14 x 82      d) 308 : 5,5

**Câu 3.** Tính giá trị biểu thức (tính bằng cách thuận tiện nếu có thể)

- a) 619,52 - 0,52 x (9 + 11)      b) 8,65 + 7,6 + 1,35 + 0,4  
c) 1,25 x 2,5 x 36 x 0,4 x 80      d) 14,4 x 0,6 + 15 x 0,6 + 18,6 x 0,6

**Câu 4.** Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

- 1,2 km<sup>2</sup> = ..... ha      3,5 ha = ..... m<sup>2</sup>      126 cm<sup>2</sup> = ..... m<sup>2</sup>  
2 tạ = ..... tấn      1,25 tấn = ..... kg      2 750 g = ..... kg  
3,7 km = ..... m      638 m = ..... km      25 cm = ..... m  
230 dm<sup>2</sup> = ..... m<sup>2</sup>      3 1 219 ml = ..... lít      4798 m<sup>2</sup> = ..... ha

**Câu 5.** Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50m.

- a) Tính diện tích thửa ruộng đó?  
b) Trung bình cứ 10m<sup>2</sup> thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

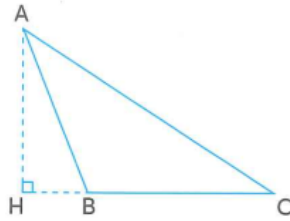
**Câu 6.** Năm nay tổng số tuổi của hai ông cháu là 66 tuổi. Biết rằng sau 3 năm nữa thì tuổi cháu bằng  $\frac{2}{7}$  tuổi ông. Hỏi năm nay ông bao nhiêu tuổi, cháu bao nhiêu tuổi?

**Câu 7.** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng kém chiều dài 16 m, chiều dài bằng  $\frac{5}{3}$  chiều rộng.

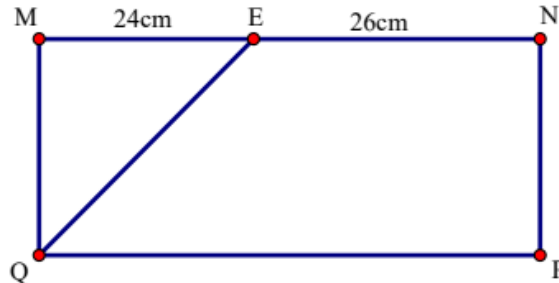
Người ta đã sử dụng  $\frac{1}{12}$  diện tích mảnh đất để làm nhà.

- a) Tính diện tích mảnh đất đó?  
b) Tính diện tích phần đất làm nhà?

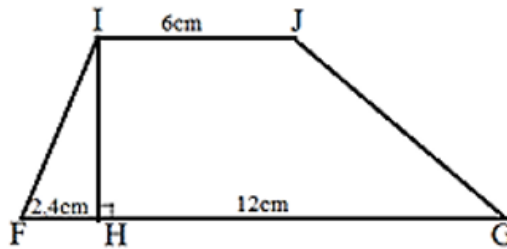
**Câu 8.** Tam giác ABC có diện tích 200cm<sup>2</sup> và chiều cao AH = 25 cm. Tính độ dài đoạn thẳng BC.



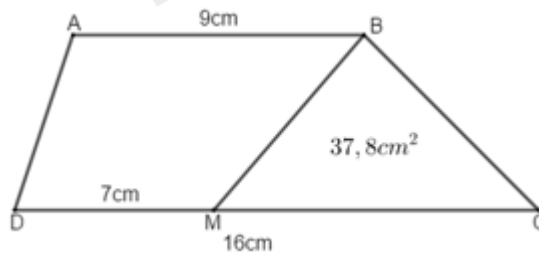
**Câu 9.** Hình chữ nhật MNPQ có diện tích  $1600\text{cm}^2$ . Tính diện tích hình tam giác MEQ.



**Câu 10.** Cho hình vẽ, tính diện tích hình thang IJGH biết diện tích hình tam giác IHF là  $6\text{cm}^2$ .



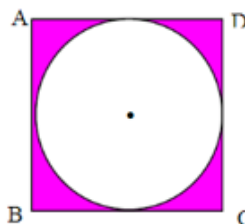
**Câu 11.** Hình thang ABCD có đáy  $CD = 16\text{cm}$ , đáy bé  $AB = 9\text{cm}$ . Biết  $DM = 7\text{cm}$ , diện tích tam giác BMC bằng  $37,8\text{cm}^2$ . Tính diện tích hình thang ABCD.



**Câu 12.** Đường kính của một bánh xe đạp là  $60\text{cm}$ . Để người đi xe đạp đi được quãng đường  $1884\text{m}$  thì mỗi bánh xe phải lăn bao nhiêu vòng?

**Câu 13.** Mai đo mặt bàn ăn có dạng hình tròn được đường kính dài  $140\text{cm}$ . Hỏi mặt bàn đó có diện tích là bao nhiêu mét vuông?

**Câu 14.** Cho hình vuông ABCD có chu vi  $48\text{dm}$ . Tính diện tích phần tô đậm trong hình dưới đây.



**C. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT****1. Trắc nghiệm**

1. B	2. C	3. C	4. D	5. C	6. B	7. D	8. B	9. C	10. C
11. C	12. B	13. C	14. A	15. B	16. B	17. C	18. A	19. C	20. A
21. D	22. B	23. D	24. B	25. D	26. A	27. B	28. B	29. C	

**2. Tự luận****Câu 1.** Tính.

a)  $\frac{3}{5} + \frac{2}{7}$

b)  $\frac{9}{4} - \frac{2}{5}$

c)  $\frac{2}{3} + \frac{2}{5}$

d)  $3\frac{3}{4} - \frac{5}{9}$

**Phương pháp**

- Muốn cộng (hoặc trừ) các phân số khác mẫu số ta quy đồng mẫu số rồi cộng (hoặc trừ) các phân số sau khi quy đồng.

**Lời giải**

a)  $\frac{3}{5} + \frac{2}{7} = \frac{21}{35} + \frac{10}{35} = \frac{31}{35}$

b)  $\frac{9}{4} - \frac{2}{5} = \frac{45}{20} - \frac{8}{20} = \frac{37}{20}$

c)  $\frac{2}{3} + \frac{2}{5} = \frac{10}{15} + \frac{6}{15} = \frac{16}{15}$

d)  $3\frac{3}{4} - \frac{5}{9} = \frac{15}{4} - \frac{5}{9} = \frac{135}{36} - \frac{20}{36} = \frac{115}{36}$

**Câu 2.** Đặt tính rồi tính:

a)  $658,3 + 96,28$

b)  $93,813 - 46,47$

c)  $37,14 \times 82$

d)  $308 : 5,5$

**Phương pháp**

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học

**Lời giải**

$$\begin{array}{r} \text{a) } 658,3 \\ + 96,28 \\ \hline 754,58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b) } 93,813 \\ - 46,47 \\ \hline 47,343 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c) } 37,14 \\ \times 82 \\ \hline 74,28 \\ 2971,2 \\ \hline 3045,48 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d) } 3080 \overline{) 5,5} \\ \underline{330} \phantom{0} \\ 00 \phantom{0} \end{array}$$

**Câu 3.** Tính giá trị biểu thức (tính bằng cách thuận tiện nếu có thể)

a)  $619,52 - 0,52 \times (9 + 11)$

b)  $8,65 + 7,6 + 1,35 + 0,4$

c)  $1,25 \times 2,5 \times 36 \times 0,4 \times 80$

d)  $14,4 \times 0,6 + 15 \times 0,6 + 18,6 \times 0,6$

**Phương pháp**

a) Thực hiện tính tổng ngoặc trước



b) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để nhóm các số có tổng là số tự nhiên

c) Áp dụng tính chất giao hoán của phép nhân

### Lời giải

$$a) 619,52 - 0,52 \times (9 + 11)$$

$$= 619,52 - 0,52 \times 20$$

$$= 619,52 - 10,4$$

$$= 609,12$$

$$c) 1,25 \times 2,5 \times 36 \times 0,4 \times 80$$

$$= (1,25 \times 80) \times (2,5 \times 0,4) \times 36$$

$$= 100 \times 1 \times 36$$

$$= 3600$$

$$b) 8,65 + 7,6 + 1,35 + 0,4$$

$$= (8,65 + 1,35) + (7,6 + 0,4)$$

$$= 10 + 8$$

$$= 18$$

$$d) 14,4 \times 0,6 + 15 \times 0,6 + 18,6 \times 0,6$$

$$= (14,4 + 15 + 18,6) \times 0,6$$

$$= 48 \times 0,6$$

$$= 28,8$$

**Câu 4.** Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

$$1,2 \text{ km}^2 = \dots\dots \text{ ha}$$

$$3,5 \text{ ha} = \dots\dots \text{ m}^2$$

$$126 \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{ m}^2$$

$$2 \text{ tạ} = \dots\dots \text{ tấn}$$

$$1,25 \text{ tấn} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$2 \text{ 750 g} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$3,7 \text{ km} = \dots\dots \text{ m}$$

$$638 \text{ m} = \dots\dots \text{ km}$$

$$25 \text{ cm} = \dots\dots \text{ m}$$

$$230 \text{ dm}^2 = \dots\dots \text{ m}^2$$

$$3 \text{ l } 219 \text{ ml} = \dots\dots \text{ lít}$$

$$4798 \text{ m}^2 = \dots\dots \text{ ha}$$

### Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ km}^2 = 100 \text{ ha} ; 1 \text{ ha} = 10 \text{ 000 m}^2$$

$$1 \text{ tạ} = 0,1 \text{ tấn} ; 1 \text{ tấn} = 1 \text{ 000 kg}$$

$$1 \text{ km} = 1 \text{ 000 m} ; 1 \text{ m} = 100 \text{ cm}$$

### Lời giải

$$1,2 \text{ km}^2 = \mathbf{120} \text{ ha}$$

$$3,5 \text{ ha} = \mathbf{35 \text{ 000}} \text{ m}^2$$

$$126 \text{ cm}^2 = \mathbf{0,0126} \text{ m}^2$$

$$2 \text{ tạ} = \mathbf{0,2} \text{ tấn}$$

$$1,25 \text{ tấn} = \mathbf{1 \text{ 250}} \text{ kg}$$

$$2 \text{ 750 g} = \mathbf{2,75} \text{ kg}$$

$$3,7 \text{ km} = \mathbf{3 \text{ 700}} \text{ m}$$

$$638 \text{ m} = \mathbf{0,638} \text{ km}$$

$$25 \text{ cm} = \mathbf{0,25} \text{ m}$$

$$230 \text{ dm}^2 = \mathbf{2,3} \text{ m}^2$$

$$3 \text{ l } 219 \text{ ml} = \mathbf{3,219} \text{ lít}$$

$$4798 \text{ m}^2 = \mathbf{0,4798} \text{ ha}$$

**Câu 5.** Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?

b) Biết rằng trung bình cứ  $10 \text{ m}^2$  thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

### Phương pháp

a) - Tìm nửa chu vi thửa đất

- Tìm chiều dài và chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó
- Diện tích thửa ruộng = chiều dài x chiều rộng

b) Số kg thóc thu hoạch được = Diện tích thửa ruộng :  $10 \times 50$

### Lời giải

a) Nửa chu vi thửa ruộng đó là:

$$300 : 2 = 150 \text{ (m)}$$

Chiều dài thửa ruộng đó là:

$$(150 + 50) : 2 = 100 \text{ (m)}$$

Chiều rộng thửa ruộng đó là:

$$100 - 50 = 50 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng đó là:

$$100 \times 50 = 5000 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Thửa ruộng thu hoạch được là:

$$5000 : 10 \times 50 = 25000 \text{ (kg)} = 250 \text{ tạ}$$

Đáp số: a)  $5000 \text{ m}^2$

b)  $25000 \text{ kg}$

**Câu 6.** Năm nay tổng số tuổi của hai ông cháu là 66 tuổi. Biết rằng sau 3 năm nữa thì tuổi cháu bằng  $\frac{2}{7}$  tuổi ông. Hỏi năm nay ông bao nhiêu tuổi, cháu bao nhiêu tuổi?

### Phương pháp

- Tìm tuổi của hai ông cháu sau 3 năm nữa
- Tìm tuổi ông và tuổi cháu sau 3 năm nữa theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số
- Tìm tuổi mỗi người hiện nay

### Lời giải

Sau 3 năm nữa thì tổng số tuổi của hai ông cháu là:

$$66 + 3 + 3 = 72 \text{ (tuổi)}$$

Tổng số phần bằng nhau là:

$$7 + 2 = 9 \text{ (phần)}$$

Số tuổi của ông ba năm nữa là:

$$72 : 9 \times 7 = 56 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của ông năm nay là:

$$56 - 3 = 53 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của cháu năm nay là:

$$66 - 53 = 13 \text{ (tuổi)}$$



Đáp số: ông: 53 tuổi; cháu: 13 tuổi

**Câu 7.** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng kém chiều dài 16 m, chiều dài bằng  $\frac{5}{3}$  chiều rộng.

Người ta đã sử dụng  $\frac{1}{12}$  diện tích mảnh đất để làm nhà.

- Tính diện tích mảnh đất đó?
- Tính diện tích phần đất làm nhà?

### Phương pháp

a) Tìm chiều rộng và chiều dài theo bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó

Diện tích = chiều dài x chiều rộng

b) Diện tích phần đất làm nhà = diện tích mảnh đất x  $\frac{1}{12}$

### Lời giải

Coi chiều dài là 5 phần thì chiều rộng là 3 phần như thế.

Hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 3 = 2 \text{ (phần)}$$

Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật là:

$$16 : 2 \times 5 = 40 \text{ (m)}$$

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$40 - 16 = 24 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất là:

$$40 \times 24 = 960 \text{ (m}^2\text{)}$$

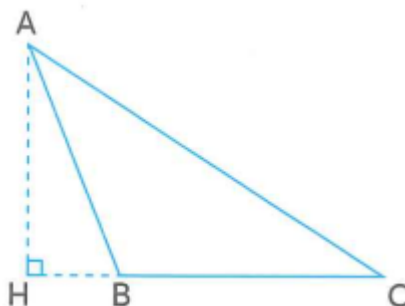
Diện tích phần đất làm nhà là:

$$960 \times \frac{1}{12} = 80 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: a) 960 m<sup>2</sup>

b) 80 m<sup>2</sup>.

**Câu 8.** Tam giác ABC có diện tích 200cm<sup>2</sup> và chiều cao AH = 25 cm. Tính độ dài đoạn thẳng BC.



**Phương pháp**

Độ dài đáy BC = Diện tích tam giác ABC x 2 : chiều cao

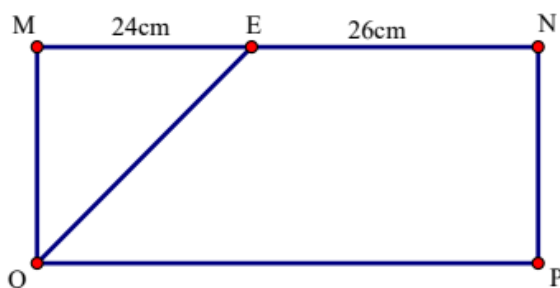
**Lời giải**

Độ dài đáy BC là:

$$200 \times 2 : 25 = 16 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 16 cm

**Câu 9.** Hình chữ nhật MNPQ có diện tích  $1600\text{cm}^2$ . Tính diện tích hình tam giác MEQ.

**Phương pháp**

- Tìm độ dài đoạn thẳng MN = Đoạn thẳng ME + đoạn thẳng EN
- Tìm độ dài đoạn MQ = Diện tích hình chữ nhật MNPQ : độ dài đoạn MN
- Diện tích hình tam giác MEQ = MQ x ME : 2

**Lời giải**

Độ dài đoạn thẳng MN là:

$$24 + 26 = 50 \text{ (cm)}$$

Độ dài đoạn MQ là:

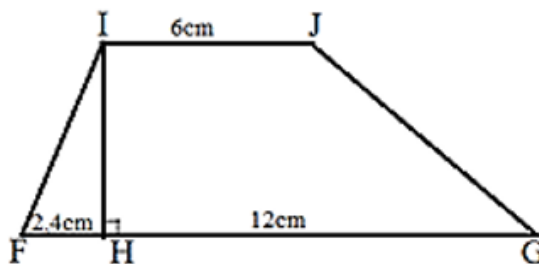
$$1600 : 50 = 32 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình tam giác MEQ là:

$$32 \times 24 : 2 = 384 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số:  $384 \text{ cm}^2$

**Câu 10.** Cho hình vẽ, tính diện tích hình thang IJGH biết diện tích hình tam giác IHF là  $6 \text{ cm}^2$ .

**Phương pháp**

- Chiều cao IH = 2 x diện tích tam giác IHF : độ dài cạnh HF

$$\text{- Diện tích hình thang} = \frac{(IJ + HG) \times IH}{2}$$

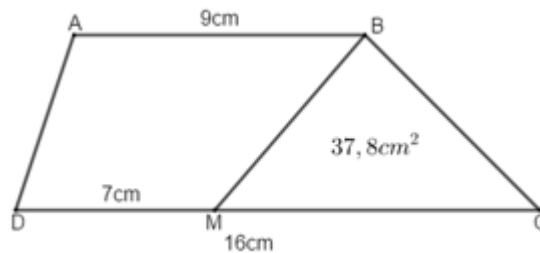
### Cách giải

Độ dài đường cao IH là:  $6 \times 2 : 2,4 = 5$  (cm)

Diện tích hình thang IJGH là:  $(6 + 12) \times 5 : 2 = 45$  (cm<sup>2</sup>)

Đáp số: 45cm<sup>2</sup>

**Câu 11.** Hình thang ABCD có đáy CD = 16cm, đáy bé AB = 9cm. Biết DM = 7cm, diện tích tam giác BMC bằng 37,8cm<sup>2</sup>. Tính diện tích hình thang ABCD.



### Phương pháp

- Tìm độ dài MC = DC – DM
- Tìm độ dài đường cao của tam giác BMC = Diện tích tam giác BMC x 2 : độ dài MC
- Diện tích hình thang ABCD = (AB + CD) x chiều cao : 2

### Cách giải

Độ dài đáy MC của tam giác BMC là

$$16 - 7 = 9 \text{ (cm)}$$

Độ dài đường cao của tam giác MBC là

$$37,8 \times 2 : 9 = 8,4 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình thang ABCD là

$$(16 + 9) \times 8,4 : 2 = 105 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 105 cm<sup>2</sup>

**Câu 12.** Đường kính của một bánh xe đạp là 60 cm. Để người đi xe đạp đi được quãng đường 1884m thì mỗi bánh xe phải lăn bao nhiêu vòng?

### Phương pháp

- Tìm chu vi của bánh xe = Đường kính x 3,14
- Đổi sang đơn vị m
- Tìm số vòng = quãng đường : chu vi bánh xe

### Cách giải

Chu vi của bánh xe là

$$60 \times 3,14 = 188,4 \text{ (cm)} = 1,884 \text{ m}$$

Để đi được quãng đường 1884m thì mỗi bánh xe phải lăn số vòng là

$$1884 : 1,884 = 1000 \text{ (vòng)}$$

Đáp số: 1000 vòng

**Câu 13.** Mai đo mặt bàn ăn có dạng hình tròn được đường kính dài 140 cm. Hỏi mặt bàn đó có diện tích là bao nhiêu mét vuông?

#### Phương pháp

- Đổi 140 cm sang đơn vị mét
- Tính bán kính hình tròn  $r = \text{đường kính} : 2$
- Diện tích mặt bàn = bán kính x bán kính x 3,14

#### Lời giải

$$\text{Đổi: } 140 \text{ cm} = 1,4 \text{ m}$$

Bán kính hình tròn là:

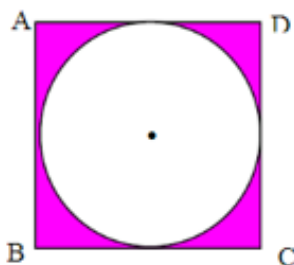
$$1,4 : 2 = 0,7 \text{ (m)}$$

Diện tích mặt bàn là:

$$0,7 \times 0,7 \times 3,14 = 1,5386 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 1,5386 m<sup>2</sup>

**Câu 14.** Cho hình vuông ABCD có chu vi 48dm. Tính diện tích phần tô đậm trong hình dưới đây.



#### Phương pháp

- Tìm độ dài cạnh hình vuông = Chu vi : 4
- Tìm diện tích hình vuông = cạnh x cạnh
- Tìm bán kính hình tròn = Độ dài cạnh hình vuông : 2
- Diện tích hình tròn =  $r \times r \times 3,14$
- Tìm diện tích phần tô đậm = Diện tích hình vuông – diện tích hình tròn

#### Cách giải

$$\text{Cạnh của hình vuông là } 48 : 4 = 12 \text{ (dm)}$$

$$\text{Diện tích hình vuông là } 12 \times 12 = 144 \text{ (dm}^2\text{)}$$

$$\text{Bán kính hình tròn là } 12 : 2 = 6 \text{ (dm)}$$

Diện tích hình tròn là  $6 \times 6 \times 3,14 = 113,04 \text{ (dm}^2\text{)}$

Diện tích phần tô đậm là  $144 - 113,04 = 30,96 \text{ (dm}^2\text{)}$

Đáp số:  $30,96 \text{ dm}^2$